

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST

Ngày 20-6-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Bà Hoàng Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20-6-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2018/TLST-HNGĐ ngày 12-4-2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22-5-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11-6-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường BL, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nghiêm Danh T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường BL, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04-3-2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị N trình bày: Chị và anh Nghiêm Danh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường BL, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 30-3-2015. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng không sinh được con nên tình cảm dần lạnh nhạt, trong khi anh T không quan tâm gì đến gia đình. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vợ chồng đã

nhều lần sống ly thân, không còn chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2017 đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh T. Chị và anh T không có con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt, không có lý do chính đáng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 12-6-2018, bị đơn là anh T trình bày: Anh thống nhất về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị N đã trình bày. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 11-2017 đến nay mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay, chị N xin ly hôn anh đồng ý, vì vợ chồng tình cảm không còn, mâu thuẫn kéo dài. Anh và chị N không có con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản. Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh theo quy định pháp luật.

Tòa án đã thu thập chứng cứ tại gia đình và chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T, thể hiện: Do chị N và anh T có mâu thuẫn từ lâu, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8-2017 đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nguyên nhân là do anh chị không có con chung nên tình cảm dần lạnh nhạt, thiếu sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau.

Tại phiên tòa, chị N khai phù hợp như nội dung nêu trên và giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T vì tình cảm chị dành cho anh đã hết, sống chung chỉ làm khổ nhau; chị và anh T không có con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản. Anh T vắng mặt, không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có mặt theo các quyết định của Tòa án.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đòi sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân

và gia đình; căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N được ly hôn anh T; không giải quyết về con chung và tài sản chung, tuyên quyền kháng cáo và chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Đào Thị N nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Nghiêm Danh T tại Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn. Bị đơn là anh T có nơi cư trú tại Tổ dân phố B, phường BL, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh T vắng mặt nhưng anh T đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 11-6-2018, anh T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND phường BL, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 30-3-2015 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N trình bày thống nhất với việc thu thập chứng cứ của Tòa án tại gia đình và chính quyền địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, vợ chồng không sinh được con chung nên tình cảm dần lạnh nhạt, thiếu sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, vợ chồng đang sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không còn quan tâm gì đến nhau. Anh T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh và anh đồng ý ly hôn với chị N, vì vợ chồng tình cảm không còn, mâu thuẫn kéo dài. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4] *Về con chung:* Chị N và anh T không có.

[5] *Về tài sản chung:* Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị N và anh T có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị N được ly hôn anh Nghiêm Danh T.
2. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006809 ngày 11-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND. thành phố Hải Phòng;
- VKSND. quận Đồ Sơn;
- Chi cục THA. dân sự quận Đồ Sơn;
- Đường sự;
- UBND. phường BL, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng